

Nghị quyết số: 257/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1101/TTr-CP ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, Báo cáo thẩm tra số 2758/BC-HĐDT15 ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Báo cáo số 1267/BC-CP ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu thực hiện Chương trình:

a) Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững,

bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với các vùng khác. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng chiến lược, biên giới và hải đảo.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2030:

+ Phân đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;

+ Phân đầu tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước duy trì mức giảm 1% - 1,5%/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%;

+ Phân đầu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Phân đầu cả nước có khoảng 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 10% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; phân đầu có 05 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Đến năm 2035:

+ Phân đầu thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,6 lần so với năm 2030, thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;

+ Tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước duy trì mức giảm 1% - 1,5%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2031 - 2035;

+ Phân đầu giảm ít nhất 50% số xã, thôn khó khăn trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phân đầu có 05 tỉnh, thành phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không còn xã, thôn khó khăn;

+ Phân đầu cả nước có khoảng 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 30% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; phân đầu có ít nhất 10 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó có 05 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới hiện đại.

2. Phạm vi và đối tượng thụ hưởng:

a) Phạm vi: Chương trình thực hiện trên phạm vi cả nước; ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

b) Đối tượng thụ hưởng: Các xã, thôn, người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn cả nước, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2035.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình:

a) Tổng ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 423.000 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 100.000 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn đầu tư công: 70.000 tỷ đồng;

+ Kinh phí thường xuyên: 30.000 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương: Khoảng 300.000 tỷ đồng.

- Vốn tín dụng chính sách (ngân sách nhà nước cấp): Khoảng 23.000 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, Chính phủ ưu tiên cân đối ngân sách trung ương bổ sung cho Chương trình, bao gồm vốn tín dụng chính sách xã hội để có đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Căn cứ kết quả thực hiện của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, Chính phủ trình Quốc hội quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2031 - 2035.

5. Nguyên tắc phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình:

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững;

b) Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ;

c) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đã được Quốc hội thông qua, ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc sau:

- Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, ưu tiên các địa phương nhận bổ sung cân đối từ 70% trở lên;

- Các địa phương tự cân đối ngân sách có trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

d) Trong quá trình thực hiện, Chính phủ bảo đảm cân đối vốn ngân sách trung ương tối thiểu theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết này; tiếp tục bổ sung cân đối vốn ngân sách trung ương trình cấp có thẩm quyền xem xét, ưu tiên bổ sung cho Chương trình.

6. Giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành Chương trình:

a) Ban hành văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách về quản lý, chuyên môn kỹ thuật để thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các nội dung, hoạt động của Chương trình;

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định. Các tỉnh, thành phố có trách nhiệm bố trí đủ ngân sách địa phương; huy động tối đa nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình; rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên đầu tư tập trung, tránh dàn trải, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản; bảo đảm tính kế thừa, phát huy hiệu quả đầu tư giai đoạn trước. Ưu tiên bố trí vốn tín dụng chính sách xã hội từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

c) Quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ chế đặc thù và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành; có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn biểu hiện tiêu cực, lãng phí và xử lý nghiêm minh vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình.

7. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện Chương trình:

a) Quốc hội quyết định phân bổ ngân sách trung ương; Thủ tướng Chính phủ giao dự toán, kế hoạch cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo tổng vốn Chương trình (chi tiết chi đầu tư và chi thường xuyên). Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình theo định mức phân bổ ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước quyết định điều chỉnh kinh phí, vốn (bao gồm các khoản chi được giao dự toán hằng năm và các khoản chi được chuyển nguồn từ năm trước sang theo quy định) từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình bảo đảm không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao;

b) Đối với ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) của 03 chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) chưa thực hiện hoặc chưa giải ngân hết trong năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước được quyết định điều

chính kinh phí, vốn từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác bảo đảm không vượt quá tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên của từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền giao.

Trường hợp không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, được sử dụng kinh phí, vốn còn lại để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình giai đoạn 2026 - 2030;

c) Giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế đặc thù về: Quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; giao cho chủ dự án phát triển sản xuất tự mua sắm hàng hóa; tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân. Đối với các cơ chế đặc thù khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 2

1. Giao Chính phủ triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các Bộ, ngành có liên quan quyết định đầu tư Chương trình và tổ chức thực hiện theo quy định;

b) Tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để ưu tiên bổ sung cho Chương trình, bao gồm cả vốn tín dụng chính sách xã hội, nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

c) Hằng năm, báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Chương trình vào kỳ họp cuối năm hoặc theo yêu cầu của Quốc hội. Năm 2030, tổng kết việc thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và đề xuất Chương trình giai đoạn 2031 - 2035.

2. Giao Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo mức độ khó khăn; ưu tiên xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo;

b) Căn cứ mục tiêu thực hiện Chương trình quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này, xác định, giao mục tiêu 05 năm và hằng năm cho các tỉnh, thành phố để thực hiện;

c) Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; ban hành Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP, theo hướng kế thừa, phù hợp, đồng bộ và nâng cao chất lượng, đặc trưng, thương hiệu gắn với yêu cầu thị trường, thúc đẩy theo hướng xanh, bền vững;

d) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện Chương trình; chỉ đạo các tỉnh, thành phố cân đối, bố trí vốn đối ứng, huy động, lồng ghép và sử dụng các nguồn lực để thực hiện hiệu quả Chương trình; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình.

Điều 3

Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch bảo đảm sát nhu cầu thực tế và cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phân đầu hoàn thành mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt; không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; bố trí ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, thành phố;

2. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả;

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp cuối năm và báo cáo Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình.

Điều 4

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn